

# PHÁT TRIỂN NGÀNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ BỀN VỮNG Ở TÂY NGUYÊN

## *SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF COFFEE PRODUCTION IN CENTRAL HIGHLAND*

BÙI QUANG BÌNH

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng*

### TÓM TẮT

Tây Nguyên một vùng đất giàu tiềm năng để phát triển kinh tế, đây cũng là vùng sản xuất cà phê chủ yếu nhất của Việt Nam, sự phát triển của nó tác động tới mọi mặt đời sống xã hội ở đây. Bài viết này nhằm khẳng định vai trò to lớn của ngành sản xuất cà phê đối sự phát triển kinh tế của Tây Nguyên, đánh giá tính bền vững của ngành sản xuất cà phê ở đây, và đưa ra một số định hướng chính và giải pháp nhằm phát triển bền vững ngành sản xuất cà phê ở Tây Nguyên.

### ABSTRACT

Central Highland is a potential region for economic development, and also the most important coffee production area in Viet Nam. Its development has great impacts on all the aspects of social life here. This paper aims to affirm the important roles of coffee production in the economic development of Central Highland, to assess its sustainable development and to give some main solutions for coffee production's sustainable development in Central Highland.

## 1. Mở đầu

Khu vực Tây Nguyên gồm 5 tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai và Kon Tum. Tổng dân số toàn vùng (2005) là 4,815 triệu người<sup>[1]</sup>. Với điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, cho dù được sự quan tâm của nhà nước, cộng với sự nỗ lực của các địa phương trong những năm qua, nhưng Tây Nguyên vẫn nghèo. Với 60 vạn ha đất đỏ Bazan, chiếm 40% tiềm năng phát triển cây công nghiệp dài ngày của cả nước Việt Nam. Ở đây cũng là vùng sản xuất cà phê lớn nhất cả nước, cây công nghiệp này có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở đây. Sự phát triển bền vững ngành sản xuất cà phê có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế ở đây.

## 2. Vai trò của ngành sản xuất cà phê đối với sự phát triển kinh tế xã hội

Đây là khu vực có sự phát triển kinh tế xã hội thấp hơn mặt bằng chung của cả nước. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân qua 5 năm của khu vực trên 10%, nhanh hơn bình quân của cả nước nhưng GDP/ng thấp hơn mức bình quân của cả nước do quy mô GDP nhỏ. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới tới 28.52%. Trong nền kinh tế, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng lớn gần 52% năm 2005, quá trình chuyển dịch cơ cấu còn chậm<sup>[2]</sup>. Ngành nông nghiệp dù vẫn chiếm tỷ trọng cao trong GDP nhưng mức đóng góp vào tăng trưởng đã giảm nhanh. Nếu năm 2002 nông nghiệp vẫn đóng góp gần 80% vào 1% tăng trưởng của Tây Nguyên thì năm 2005 chỉ còn chiếm tỷ trọng gần 30%. Trong cùng thời gian tỷ trọng của công nghiệp xây dựng đóng góp vào 1% tăng trưởng của Tây Nguyên tăng từ 6% lên 46%. Điều này chứng tỏ sản xuất nông nghiệp ở đây đã đến mức giới hạn của tăng năng suất, nếu tiếp tục phát triển theo chiều rộng sẽ kém hiệu quả và không nâng cao thu nhập và đời sống của đại bộ

phần người dân Tây Nguyên, vì gần 80% dân số các tỉnh Tây Nguyên sống ở nông thôn và hơn 70% lao động làm việc trong nông nghiệp<sup>[3]</sup>.

Trong ngành nông nghiệp của Tây Nguyên, sản xuất cà phê giữ vị trí quan trọng ảnh hưởng lớn tới giá trị sản lượng nông nghiệp. Sản xuất cà phê đóng góp khoảng gần 30% GDP của Tây Nguyên. Hiện khu vực này là vùng chuyên canh tập trung có qui mô lớn về sản xuất cà phê của Việt Nam. Trong những năm cuối của thập niên 90, sản lượng cà phê nhân của vùng Tây Nguyên chiếm trên dưới 70% sản lượng của cả nước. Tác động của ngành sản xuất này với tăng trưởng kinh tế của vùng là rất lớn. Hiện tại 1 đồng giá trị gia tăng của ngành sản xuất cà phê làm tăng GDP 3.0174 đồng như ở Đắk Lắk<sup>(4)</sup>. Sản xuất cà phê là nguồn thu ngoại tệ quan trọng với các tỉnh Tây Nguyên, trong tổng kim ngạch xuất khẩu của các tỉnh Tây Nguyên, giá trị xuất khẩu của cà phê luôn chiếm khoảng 80%. Nếu giá trị xuất khẩu của cà phê tăng 1% thì kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng 1.075%. Tác động của ngành sản xuất này không chỉ với tăng trưởng kinh tế mà quan trọng hơn là tạo ra thu nhập và việc làm cho người dân ở đây.

Khẳng định vai trò của ngành sản xuất cà phê rất quan trọng nhưng cũng cho thấy nền kinh tế của Tây Nguyên phụ thuộc quá nhiều vào ngành sản xuất này và sự phát triển bền vững ngành sản xuất này cũng ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững nền kinh tế của tỉnh.

### 3. Tính bền vững trong sản xuất cà phê ở Tây Nguyên

Tây Nguyên được xem là vùng chuyên môn hóa cây công nghiệp lâu năm, đặc biệt là cây cà phê. Theo quy hoạch diện tích cà phê được phát triển ở Tây Nguyên với quy mô 150 ngàn ha vào năm 2000, nhưng do giá cà phê tăng đột biến vào năm 1994,1995 đã làm diện tích cà phê tại Tây Nguyên đã tăng từ 81.737 ha năm 1990 lên 313.204 ha năm 1999, gấp đôi so với mục tiêu trong qui hoạch. Sản lượng cà phê từ 48.260 tấn năm 1991 lên 384.535 tấn năm 1999. Diện tích cà phê tăng đột biến vào giai đoạn 1991- 1999 chủ yếu là tăng từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Năm 1990, 31 nông trường quốc doanh trung ương và 25 nông trường quốc doanh địa phương có diện tích cà phê chiếm 59,5% tổng diện tích cà phê Tây Nguyên, thì đến năm 1999, 35 nông trường quốc doanh trung ương và 16 nông trường quốc doanh địa phương chiếm 42,6% diện tích, điều này chứng tỏ cà phê người dân tăng rất nhanh trong giai đoạn này<sup>[3]</sup>.

*Biểu 1 Tỷ trọng cà phê Tây Nguyên so với cả nước<sup>(3)</sup>*

	2001	2002	2003	2004	2005
Diện tích cả nước (ha)	565300	522200	510200	503200	520891
Diện tích của TN (ha)	477471	448448	440621	434335	452026
% so với cả nước	84.5%	85.9%	86.4%	86.3%	86.8%

Giai đoạn 2001 -2005 giá cà phê thay đổi thất thường làm cho diện tích thay đổi theo, năm 2001 có diện tích là 477 ngàn ha thì năm 2005 là 452 ngàn ha. Riêng 5 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum luôn chiếm khoảng 84- 86% diện tích cà phê của cả nước như bảng 1.

Đắk Lắk được xem là thủ phủ cà phê của Tây Nguyên và của cả nước. Năm 2005, diện tích cà phê của Đắk Lắk chiếm 38.6 % tổng diện tích cà phê toàn quốc, với sản lượng 330.660 tấn, chiếm 50 % tổng sản lượng cà phê của cả nước, tiếp đó là Lâm Đồng chiếm 26.6%, Gia Lai 17,2%, Đắk Nông 15.2% và Kon Tum là 2.4%. Năng suất cao nhất là của tỉnh Đắk Lắk

bình quân xấp xỉ 1.94 tấn nhân/ha, cao hơn mức bình quân chung của cả nước là hơn 1,5 tấn nhân/ha.

Với việc phân bố diện tích như vậy cho thấy diện tích chủ yếu tập trung ở Đắk Lắk, Lâm Đồng, các tỉnh khác diện tích không lớn. Nhưng ngay trong mỗi tỉnh diện tích cũng chỉ tập trung ở một số huyện, chẳng hạn trong 13 huyện và thành phố của Đắk Lắk thì sản xuất cà phê chủ yếu tập trung ở 5 huyện. Tình hình này cho thấy sự phân tán trong sản xuất và sự phát triển theo phong trào thiếu quy hoạch.

Diện tích trồng cà phê khá nhạy cảm với giá cả, phân tích số liệu thống kê về diện tích và giá bán cà phê nhân trên thị trường các tỉnh Tây Nguyên, chẳng hạn lấy tỉnh Đắk Lắk làm đại diện. Mỗi quan hệ giữa diện tích và giá bán cà phê hạt là dương, và hệ số co giãn là 4.19. Nghĩa là nếu giá giảm 1% thì mức giảm diện tích là 4.19%. Những biến động về mặt diện tích này cho thấy việc sản xuất cà phê vẫn còn sự bất ổn, chưa theo quy hoạch và thiếu bền vững.

Tây Nguyên được xem là vùng có lợi thế so sánh trong chuyên môn hóa sản xuất cây cà phê, có điều kiện đất đai, thời tiết, khí hậu thuận lợi để phát triển sản xuất cây cà phê cho năng suất, sản lượng cao với chi phí thấp.

Sự khác biệt về diện tích và sản lượng giữa cà phê các tỉnh do nhiều yếu tố, cả khách quan lẫn chủ quan. Về yếu tố khách quan, chính là sự khác biệt về điều kiện đất đai, sự phân bố đất đai và địa hình giữa các tỉnh là nguyên nhân chủ yếu.

Số liệu thống kê cho thấy diện tích tăng nhanh, nhưng năng suất không đều khoảng 1,5 tấn /ha. Để đánh giá việc mở rộng diện tích cà phê và hiệu quả sản xuất cà phê, qua phân tích mối quan hệ giữa năng suất và diện tích cho thấy khi diện tích tăng 1% thì năng suất chỉ tăng 0,0014%, nghĩa là tăng thêm 1 ha thì năng suất tăng rất ít không đáng kể. Vì vậy, không cần phải tăng diện tích nữa vì năng suất biên quá nhỏ. Quá trình phát triển ngành sản xuất cà phê đã thể hiện sự không bền vững, khi mà chúng ta đang khai thác quá mức nguồn tài nguyên đất đai, giảm đáng kể diện tích rừng, gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái. Vấn đề quan trọng là phải thực hiện quy hoạch của Chính phủ một cách nghiêm túc, chuyển dần những diện tích có điều kiện sản xuất không thuận lợi chi phí cao, năng suất thấp sang canh tác các cây trồng phù hợp.

Trong sản xuất cà phê hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu là kinh tế hộ, sự phát triển bền vững trong sản xuất của họ sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả của ngành này. Vì thế chúng tôi tiến hành điều tra xã hội học với 230 hộ sản xuất cà phê trên địa bàn Tây Nguyên.

Qua số liệu điều tra, năng suất trung bình của các hộ điều tra là 2.097 cao hơn mức trung bình của cả nước là dưới 2 tấn. Năng suất cao nhất của các hộ điều tra là 4.0 tấn, điều này chứng tỏ tiềm năng để tăng năng suất là rất lớn. Tính về giá trị sản xuất (GO) trên mỗi ha chỉ mới khoảng 36 triệu đồng là thấp so với mục tiêu của ngành nông nghiệp 50 triệu/ha là thấp, tuy nhiên hộ có giá trị cao nhất cũng đạt tới hơn 70 triệu đồng/ha. Giá trị sản xuất thấp vì năng suất chưa cao, vì giá cả cà phê hạt trong năm 2006 bình quân của các hộ điều tra là 17-18 ngàn đồng /kg. Ảnh hưởng của giá cả là không nhiều vì khi giá tăng 1000đ/kg thì giá trị sản xuất tăng 1700đ và nó chỉ tạo ra hơn 5% sự ảnh hưởng còn yếu tố sản lượng đưa tới hơn 94%. Kết luận này trùng với kết luận trên là phải tăng năng suất cà phê.

Chi phí trung gian (IC) của sản xuất cà phê là trung bình 10.7 triệu/ha, chiếm dưới 30% tổng giá trị sản xuất hay GO/IC là 3.43 chứng tỏ các hộ gia đình đã quản lý rất chặt chẽ, tuy nhiên cũng có hộ có mức chi phí trung gian gấp đôi mức trung bình của các hộ điều tra, nên

cũng cần phải đẩy mạnh công tác khuyến nông để chuyển giao kỹ thuật và kiến thức quản lý cho người trồng cà phê.

Từ số liệu điều tra cho thấy giữa các nhóm hộ có quy mô diện tích từ 1500m<sup>2</sup> tới 10000 m<sup>2</sup> – nhóm 1 và từ 20000-30000 m<sup>2</sup> – nhóm 3 không có sự khác nhau nhiều về năng suất, nhưng 2 nhóm này lại cao hơn so với nhóm có diện tích từ 10000- 20000 m<sup>2</sup> – nhóm 2 và lớn hơn 30000 m<sup>2</sup> – nhóm 4. Do vậy hiệu quả cũng khác nhau, phần giá trị gia tăng (VA) của nhóm 1 và 3 khoảng hơn 27 triệu cao hơn mức trung bình là 26 triệu đồng, trong khi 2 nhóm lại có VA thấp chỉ từ 17-23 triệu đồng, điều này do giá trị sản xuất của 2 nhóm này trên một ha thấp nhưng chi phí trung gian lại tương đương nhau. Nhưng cũng lưu ý những hộ có quy mô trên 4 ha thường có năng suất thấp hơn hiệu quả thấp hơn. Nhưng ưu thế của các hộ có quy mô lớn thì GO và VA trên một công lao động gia đình cao hơn.

Nhìn chung, qua phân tích kết quả sản xuất và hiệu quả kinh tế sản xuất cà phê của các hộ điều tra có thể thấy rằng, *thứ nhất*, năng suất trung bình của các hộ điều tra cao hơn năng suất trung của tỉnh theo thống kê của Cục Thống kê năm 2005 và có sự chênh lệch đáng kể giữa hộ có năng suất cao nhất và năng suất trung bình chung cũng như mức năng suất thấp nhất. *Thứ hai*, có sự khác biệt về hiệu quả kinh tế giữa các nhóm hộ theo quy mô sản xuất, các hộ có quy mô sản xuất lớn là họ có GO và VA trên công lao động cao hơn các hộ có quy mô nhỏ. *Thứ ba*, chi phí trung gian là tương đương nhau giữa các quy mô sản xuất.

Tính bền vững trong sản xuất cà phê của các hộ thể hiện qua việc sử dụng các yếu tố đầu vào. Khi xây dựng mô hình hàm sản xuất từ số liệu của các hộ điều tra cho thấy các yếu tố đầu vào là phân chuồng, phân ure, NPK, lân và công lao động có ảnh hưởng là dương, nhưng mức độ có khác nhau. Yếu tố phân hữu cơ tăng 1 % lượng phân chuồng tăng năng suất 1.274 %. Ảnh hưởng phân hóa học không lớn lắm. Tăng 1% lượng NPK, Ure, lân tăng năng suất 0.325%, 0.463%, 0.351%. Những hộ có điều kiện chủ động tưới tiêu thì năng suất cao hơn 225 kg/ha so với hộ không chủ động. Nhưng hiện chỉ có khoảng 33% số hộ chủ động được tưới tiêu số còn lại không chủ động. Từ đó cho thấy năng suất biên từ sản xuất như bảng 2 dưới đây.

*Bảng 2. Năng suất biên của cây cà phê ở Đắk Lắk*

<b>Yếu tố đầu vào</b>	<b>Mức đầu tư tăng thêm (MC)</b>	<b>Mức năng suất tăng thêm (MP)</b>
Ngày công LĐ	1ngày	2.65 kg
Phân chuồng	1tạ	12,7kg
Đạm (N)	1kg	0.43kg
NPK va DAP	1kg	0.32kg
Lân (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> )	1kg	0.351kg
Một năm đi học	Năm	23.09

*Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra.*

Ảnh hưởng mạnh nhất là của yếu tố lao động tăng 1% công lao động tăng năng suất 2.65%, tiếp đó . Vì sản xuất cà phê đòi hỏi người sản xuất phải có được những hiểu biết nhất định về kỹ thuật và quản lý sản xuất cây công nghiệp này. Vì vậy trình độ học vấn của chủ hộ sản xuất cà phê là cơ sở để nắm bắt được những kiến thức. Nhưng trong các hộ điều tra thì có tới 11% không đi học gì, 29% có trình độ từ lớp 1- lớp 6, và 42% có trình độ từ lớp 7- lớp 9 và chỉ có khoảng 18 có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học.

Như vậy, việc sử dụng các nhân tố tới hiệu quả sản xuất cà phê ở Tây Nguyên cho thấy. *Thứ nhất*, các yếu tố đầu vào là phân hóa học ảnh hưởng không nhiều và đã tới giới hạn,

nghĩa là quá trình sản xuất sử dụng quá nhiều yếu tố này. *Thứ hai*, yếu tố đầu vào lao động và phân chuồng chưa được sử dụng nhiều, nên khuyến khích sử dụng. *Thứ ba*, trình độ học vấn của chủ hộ ảnh hưởng lớn tới hiệu quả sản xuất cả phê nhưng còn nhiều hạn chế. *Thứ tư*, chủ động tưới tiêu là nhân tố quyết định tới hiệu quả sản xuất cả phê, nhưng còn phụ thuộc quá nhiều vào thiên nhiên.

#### **4. Phương hướng và giải pháp để phát triển bền vững**

##### **4.1. Phương hướng để phát triển bền vững**

Để phát triển thành công ngành sản xuất cả phê này trong những năm tới cần xác định phương hướng phát triển ngành sản xuất này trên cơ sở những căn cứ nhất định và chuẩn bị các bước để thích ứng với quá trình hội nhập vào WTO bảo đảm cho ngành sản xuất phát triển bền vững. Phương hướng bao gồm: (1) *Xây dựng ngành sản xuất cả phê thành ngành sản xuất hàng hóa tập trung trên quy mô lớn phát triển bền vững*. Chú trọng phát triển theo chiều rộng và chiều sâu. (2) *Lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp với sản xuất cả phê*; Tiếp tục khuyến khích kinh tế hộ gia đình sản xuất cả phê, hình thành và phát triển các trang trại sản xuất cả phê. Từng bước hình thành các hợp tác xã sản xuất cả phê theo hướng kinh doanh tổng hợp. (3) *Tổ chức hệ thống các hoạt động dịch vụ*; Củng cố và hình thành hệ thống các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tư vấn kỹ thuật khuyến nông và bảo vệ thực vật.

##### **4.2. Giải pháp để phát triển bền vững**

Trên cơ sở phương hướng đó các địa phương cần thiết thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây.

**4.2.1. Duy trì quy mô sản xuất hợp lý.** Muốn duy trì được quy mô hợp lý thì bắt đầu phải từ công tác quy hoạch mà bao gồm hoàn chỉnh quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch chung cho cả khu vực và từng địa phương. Quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn của khu vực có vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của khu vực cũng như từng vùng, địa phương và đơn vị cơ sở. Đó là cơ sở cho tổ chức phân bố và sử dụng mọi nguồn lực trong nông nghiệp nông thôn một cách hợp lý. Nguyên tắc để hoàn chỉnh quy hoạch sản xuất cả phê là *phát triển sản xuất cả phê tập trung theo hướng thâm canh và công nghiệp hóa từ sản xuất đến thu mua, chế biến ở các địa bàn có điều kiện thuận lợi để phát huy tiềm năng lao động, đất đai, khí hậu*. Từ đó mỗi tỉnh phải hoàn thiện quy hoạch vùng sản xuất cả phê của mình trên cơ sở quy hoạch chung.

Hoàn chỉnh vùng quy hoạch sản xuất cả phê tập trung nhằm có chính sách đầu tư về cơ sở hạ tầng tốt hơn nhất là thủy lợi, từ đó góp phần tăng năng suất. Điều này còn cho phép quản lý thực hiện quy hoạch tốt hơn. Việc thực hiện quản lý quy hoạch là rất khó khăn khi mà diện tích sản xuất cả phê rất nhạy cảm với giá cả. Và như vậy lý do kinh tế vẫn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới quyết định sản xuất cả phê của người kinh doanh. Do vậy một mặt hỗ trợ cho những vùng tập trung những điều kiện sản xuất kinh doanh thuận lợi sẽ giúp họ sản xuất hiệu quả, những người muốn sản xuất kinh doanh sẽ lựa chọn đầu tư vào đó, và hạn chế đầu tư ra ngoài vùng tập trung.

Duy trì quy mô sản xuất hợp lý đi liền với việc tăng quy mô sản xuất của mỗi hộ để nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững. Khuyến khích các hộ sản xuất mở rộng quy mô sản xuất bằng cách thực hiện liên kết giữa các hộ hay tích tụ và tập trung sản xuất và không khuyến khích các mở rộng quy mô bằng con đường tăng thêm diện tích qua khai hoang và chuyển đổi diện tích cây trồng khác. Tiến tới hình thành những trang trại – doanh nghiệp sản xuất cả phê theo quy mô lớn. Đây là điều hết sức khó khăn nhưng nếu không quản lý tốt dẫn

tới phá vỡ quy hoạch và cũng chính điều này đang đặt ra cho các nhà quản lý những nhiệm vụ hết sức khó khăn.

#### *4.2.2. Đầu tư thâm canh để tăng năng suất*

Tiềm năng để thâm canh tăng năng suất là rất lớn, với năng suất trung bình của tỉnh là khoảng 1.9 tấn/ha, của nhóm hộ điều tra là 2.097 tấn/ha. Nếu so với hộ có năng suất cao nhất được điều tra là 4.0 tấn/ha thì khoảng cách khá lớn, có tới 43,4% số hộ có năng suất trên mức 3.13 tấn/ha, có 8.1% số hộ có năng suất từ 3 tấn/ha trở lên.

Nâng cao trình độ hiểu biết về kỹ thuật canh tác và trình độ quản lý cho người sản xuất là công việc cần thực hiện ngay. Điều này đòi hỏi mở rộng hơn nữa và nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm khuyến nông và chi cục bảo vệ thực vật. Điều quan trọng có tính chất chiến lược là nâng cao trình độ học vấn cho người sản xuất nói riêng và người dân nói chung. Việc đầu tư vào vốn nhân lực cho tỉnh không chỉ là để phát triển ngành sản xuất cà phê này mà còn là để góp phần thực hiện công nghiệp hóa ở tỉnh.

Cần thay đổi tập quán canh tác của người trồng cà phê khi họ quá lạm dụng trong việc sử dụng phân hóa học và hóa chất bảo vệ thực vật mà ít chú ý tới việc sử dụng phân hữu cơ. Hậu quả từ đây không chỉ làm cho đất đai kém màu mỡ, năng suất sẽ bị ảnh hưởng mà về lâu dài khi nhu cầu thị trường hậu WTO đòi hỏi sản xuất sản phẩm sạch sẽ ảnh hưởng tới chất lượng cà phê và hiệu quả sản xuất.

Cần khuyến khích các hộ kết hợp chăn nuôi và tự sản xuất phân chuồng hay phân hữu cơ. Là một tỉnh có điều kiện phát triển chăn nuôi nhất là đại gia súc như trâu, bò, dê, với số lượng 105 ngàn con trâu, 115 ngàn con bò, 160 ngàn con dê, 109 ngàn con lợn hàng năm cho lượng phân chuồng khá lớn<sup>[6]</sup>. Bình quân mỗi con trâu bò cho 6 tấn<sup>[7]</sup> phân chuồng một năm thì chỉ riêng số trâu bò mỗi năm cũng cung cấp khoảng 1,3 triệu tấn phân chuồng. Để khai thác tốt nguồn tài nguyên này, có thể liên kết giữa các hộ gia đình chăn nuôi và sản xuất cà phê hay có thể khuyến khích hình thành doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ trên địa bàn tập trung sản xuất cây cà phê sẽ bảo đảm hiệu quả và nguồn cung ứng.

Hiệu quả của ngành sản xuất cà phê còn phụ thuộc rất lớn vào việc chủ động tưới tiêu. Do vậy ngoài việc quy hoạch thì tỉnh cũng cần phải đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi nhất là các hồ chứa nước ở những vùng cho phép, cũng như hệ thống kênh mương dẫn nước để giảm dần việc sử dụng giếng khoan. Việc sử dụng giếng khoan cũng chỉ nên sử dụng ở những nơi không có nguồn nước khác vì việc khai thác nguồn nước ngầm bằng giếng khoan quá mức sẽ ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm chung mà nguồn này trong hiện tại việc khai thác phải theo quy hoạch về tài nguyên môi trường.

Ngoài việc chủ động tưới tiêu thông qua xây dựng hệ thống thủy lợi thì biện pháp tiết kiệm nước cũng là một giải pháp cần áp dụng. Để giảm bớt áp lực nước tưới cho cây cà phê trong mùa khô hanh, nên khuyến khích các doanh nghiệp, các chủ vườn cà phê mở rộng trồng xen các loại cây hàng hoá lâu năm như quế, sầu riêng, tiêu, cây ăn quả, muồng đen, keo dậu.. trong vườn cà phê theo mô hình mà Viện Khoa học Kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên đã xây dựng. Việc trồng xen các loại cây hàng hoá lâu năm trong vườn cà phê không chỉ giảm bớt lượng nước tưới trong mùa khô, mà còn đa dạng hoá sản phẩm, giảm thiểu những rủi ro do biến động của thời tiết, sâu bệnh.

#### *4.2.3. Áp dụng mô hình sản xuất phù hợp với sản xuất cà phê*

Qua điều tra thực tế đã cho thấy những thành công trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó có sản xuất cà phê, chủ yếu là dựa vào sự phát huy được động lực của kinh tế hộ gia đình.

Với đặc điểm của việc sản xuất cây cà phê trong quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đòi hỏi việc phát triển sản xuất cây cà phê nói riêng và nông nghiệp, nông thôn nói chung phải sản xuất tập trung trên quy mô lớn hiện đại. Trước yêu cầu đó, bản thân kinh tế hộ gia đình dù có trở thành kinh tế trang trại đi nữa thì vẫn có sự hạn chế của nó là phân tán, không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất tập trung canh đòi hỏi phải quy mô tập trung, như kinh nghiệm trong nước cũng như quốc tế đã chỉ ra. Hơn nữa quá trình hội nhập ngày càng mạnh mẽ, với quy mô nhỏ lẻ của các hộ gia đình thậm chí từng HTX riêng biệt sẽ không cho phép cạnh tranh thắng lợi, dù rằng ngay trên sân nhà chúng ta.

Vậy việc phát triển sản xuất cây cà phê của tỉnh dựa trên sự phát triển của kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại, trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện nay tất yếu sẽ phải theo hướng tập trung quy mô lớn và hiện đại, nhưng sẽ theo con đường nào?

Câu trả lời ở đây là theo con đường là các hộ gia đình và các trang trại liên kết hợp tác với nhau để xây dựng hợp tác xã theo mô hình đổi mới. Bởi HTX kiểu mới dựa trên quyền tự chủ kinh doanh của mỗi nông hộ hay trang trại trên mảnh đất được chính quyền giao cho sử dụng lâu dài nhằm mục đích phát triển nông nghiệp dựa vào góp vốn cổ phần góp sức và có quyền biểu quyết của xã viên, cũng hưởng thụ kết quả hoạt động và cũng chia sẻ rủi ro của HTX để vừa tăng sức mạnh của mỗi hộ, vừa tạo sức mạnh kinh tế mới cho HTX. HTX kiểu mới phải thực hiện có hiệu quả các khâu dịch vụ đầu vào và đầu ra cho các hộ và trang trại, vì trong thực tế các hộ chăn nuôi gia đình có thể phần đầu để thành trang trại với quy mô lớn hiện đại, lúc đó họ có thể chủ động từ khâu đầu tới khâu cuối của quá trình sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nhưng tất nhiên là hiệu quả sẽ không cao. Mặt khác, theo cách này chỉ có một số hộ có nhiều vốn, mua được nhiều bò giống, diện tích đất, thuê mướn được nhiều lao động mới thành công, còn số đông nông hộ khác sẽ chuyển thành người làm thuê vẫn nghèo đói.

Vì thế trong việc phát triển sản xuất cây cà phê phải vừa hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển kinh tế hộ và kinh tế trang trại trong sản xuất cây cà phê, vừa xây dựng hệ thống các HTX làm cơ sở cho sự phát triển của chúng trong một hệ thống thống nhất.

## 5. Kết luận

Quá trình phát triển ngành sản xuất cà phê ở Tây Nguyên có dấu hiệu thiếu vững chắc. Sự phát triển bền vững này rất quan trọng cả về kinh tế lẫn xã hội. Để phát triển nó cần phải: duy trì quy mô sản xuất hợp lý, bảo đảm quy hoạch; Phát triển theo chiều sâu dựa vào đầu tư thâm canh; Áp dụng mô hình sản xuất hợp lý. Việc thực hiện các giải pháp này đòi hỏi phải có sự nỗ lực lớn từ cả chính quyền và người dân.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Quang Bình, *Thực trạng và giải pháp phát triển chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2005-2010*, Đề tài NKCH cấp bộ mã số B2004-14-28.
- [2] Niên giám thống kê (2000 đến 2005) ĐẮK LẮK, ĐẮK NÔNG, LÂM ĐỒNG, GIA LAI, KON TUM.
- [3] Quỹ nghiên cứu IEA-MISPA, “*Báo cáo khoa học: Nghiên cứu khả năng cạnh tranh của một số ngành sản xuất nguyên liệu chế thức ăn chăn nuôi (ngô, đậu tương) ở Việt Nam*”, Hà Nội 2004.
- [4] Văn phòng ban chỉ đạo Tây Nguyên của Chính phủ (2006), *Số liệu KT-XH Tây Nguyên*.
- [5] website:www.gso.gov.vn, Kết quả điều tra biến động dân số năm 2005.